

Số: /TTr-STP

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương Dự thảo Quyết định mức giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Đảng và Nhà nước đã và đang đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, theo đó, nhiều Nghị quyết, văn kiện của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước đã xác định rõ chủ trương, định hướng cũng như giải pháp, quy định về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp, hoạt động hỗ trợ tư pháp, trong đó có lĩnh vực công chứng như: Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương (BCH TW) Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, BCH TW Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập... và gần đây là Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu BCH TW Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực tư pháp, Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng, Quyết định số 2069/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp và Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước...

Điều 67 Luật Công chứng 2014 có quy định về thù lao công chứng, trong đó tại Khoản 2 của Điều này đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết mức trần thù lao công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương. Ngày 26/6/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND quy định mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND). Tuy nhiên, Luật Giá 2023 ban hành ngày 19/6/2023 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, tại điểm a Khoản 9 Điều 73 đã sửa đổi Điều 67 Luật Công chứng 2014, theo đó, “Thù lao công chứng” nay được sửa đổi thành “Giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng”, đồng thời giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương. Do đó, đến thời điểm Luật giá 2023 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 thì Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND sẽ không còn phù hợp thống nhất với Luật Công chứng 2014 và Luật Giá 2023.

Ngày 13/5/2024, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 2402/BTP-BTTP về thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, theo đó, tại Khoản 2 của Công văn này, Bộ Tư pháp đã yêu cầu Sở Tư pháp khẩn trương phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tại địa phương tham mưu, báo cáo UBND cấp tỉnh kịp thời ban hành định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng theo đúng quy định và thời hạn có hiệu lực của Luật Giá năm 2023.

Thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và để bảo đảm tính thống nhất, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật thì rất cần thiết phải ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định về giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương để thay thế cho Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống văn bản pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 09 năm thi hành Điều 67 Luật Công chứng 2014 và Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND quy định mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Hải Dương, có thể khẳng định hoạt động công chứng nói chung và hoạt động thu thù lao công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng (TCHNCC) trên địa bàn tỉnh Hải Dương ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội, người dân, doanh nghiệp và phần nào đảm bảo được quy luật giá trị, đáp ứng được điều kiện để duy trì, phát triển hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên. Các TCHNCC trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã thực hiện hơn ... triệu việc công chứng; tổng số phí công chứng thu được hơn ... nghìn tỷ đồng; tổng số thù lao công chứng thu được hơn ... tỷ đồng; tổng số tiền nộp thuế và nộp ngân sách nhà nước hơn ... tỷ đồng. Các việc công chứng hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở, bất động sản và tài sản quan trọng khác chiếm tỷ lệ từ ...% số việc công chứng và giá trị phí, thù lao công chứng, góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch đối với những tài sản có giá trị lớn,

đóng vai trò là phương tiện sản xuất cơ bản trong nền kinh tế; góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với quá trình chuyển quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, tránh thất thoát nguồn thu thuế, giảm gánh nặng cho cơ quan tiên hành tổ tụng thông qua việc giảm thiểu số lượng và quy mô tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện các giao dịch liên quan.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn triển khai thực hiện Điều 67 Luật Công chứng 2014 và Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND trên địa bàn tỉnh Hải Dương cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được khắc phục, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Các dịch vụ có liên quan đến công chứng còn quy định mức trần thù lao (nay là mức giá tối đa) chung chung, chưa cụ thể, dẫn đến, một số dịch vụ soạn thảo hợp đồng, giao dịch có mức trần thù lao chưa phản ánh đúng quy luật giá trị. Các loại hợp đồng, giao dịch này trong quá trình soạn thảo đòi hỏi có đặc thù riêng, chi phí về thời gian không đồng nhất, do tính chất phức tạp của loại giao dịch này có sự liên quan đến sự điều chỉnh của nhiều hơn hoặc ít hơn của các văn bản quy phạm pháp luật so với các hợp đồng, giao dịch thông thường, như: Văn bản từ chối hưởng di sản; Văn bản phân chia tài sản; Văn bản cam đoan, thỏa thuận về tài sản; Văn bản chuyển nhượng hợp đồng....;

Thứ hai: Các mức trần thù lao trong Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND sau gần 09 năm thi hành đã không còn phản ánh đúng quy luật giá trị, không kích thích được sự sáng tạo, làm trì trệ, khó khăn trong hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Thứ ba: Do mức trần thù lao thấp, không phản ánh đúng quy luật giá trị tại thời điểm hiện nay, nên không tối đa hoá được các khoản thu ngân sách nhà nước; không hỗ trợ tích cực được cho hoạt động quản lý nhà nước trong việc thực hiện chính sách phát triển TCHNCC.

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại trong thực tiễn triển khai, thực hiện Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND thì rất cần thiết phải ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định về giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương để thay thế cho Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và hoạt động công chứng.

- Khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý cho bước phát triển mới của hoạt động công chứng theo chủ trương xã hội hóa, nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động công chứng, từng bước phát triển nghề công chứng trên địa bàn tỉnh ngày càng vững mạnh.

- Tiếp tục củng cố, nhất quán quan điểm về công tác quản lý, điều hành giá của Nhà nước được thực hiện theo cơ chế thị trường, đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, khắc phục những mặt tồn tại như lợi ích nhóm, trục lợi, tiêu cực lãng phí; đồng thời phải có tính linh hoạt trong các trường hợp để ứng phó kịp thời với các tình huống phát sinh trong thực tiễn có tác động ảnh hưởng đến kinh tế địa phương.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

a) Tiếp tục thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu BCH TW khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới.

b) Bảo đảm phân cấp, phân quyền hợp lý; tiếp tục xã hội hóa, giảm tải cho bộ máy nhà nước, tạo cơ chế hoạt động minh bạch; đơn giản thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch trong xã hội; đề cao trách nhiệm và vai trò đóng góp của CCV, TCHNCC đối với xã hội.

c) Tiếp tục xác định hoạt động công chứng, xác định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng phải góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch trong xã hội, nhất là giao dịch về bất động sản, phòng ngừa tranh chấp, khiếu kiện, hỗ trợ hoạt động xét xử; tiết kiệm chi phí cho Nhà nước và xã hội, qua đó góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

d) Kế thừa, phát triển những quy định của Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND đã được thực tiễn kiểm nghiệm, đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay nhằm nâng cao năng lực CCV, TCHNCC, hiệu quả quản lý nhà nước và vai trò, trách nhiệm tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV.

đ) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng để tránh chồng chéo, mâu thuẫn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện Công văn số 1901/UBND-VP ngày 27/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật năm 2024, Sở Tư pháp đã phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xây dựng Dự thảo Quyết định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cụ thể gồm những nhiệm vụ chính như sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo Quyết định, với sự tham gia của đại diện Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp, Phòng Xây dựng và Phổ biến pháp luật thuộc Sở Tư pháp; Hội Công chứng viên tỉnh và một số tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Tổ soạn thảo đã tổ chức nhiều cuộc họp để xây dựng, soạn thảo, cho ý kiến về dự thảo Quyết định.

2. Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Điều 67 Luật Công chứng 2014 và Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND.

3. Tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định, tổ chức tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia trong tỉnh về các nội dung của dự thảo Quyết định.

4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự thảo Quyết định: đăng tải hồ sơ dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở, ngành, địa phương, Hội Công chứng tỉnh, các TCHNCC trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức liên quan. Các ý kiến đóng góp đã được Tổ soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định.

5. Tổ chức thẩm định dự thảo Quyết định vào ngày .../6/2024 và có Báo cáo thẩm định số/BC-STP. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Sở Tư pháp đã hoàn thiện dự thảo Quyết định và có Tờ trình số/TTr-STP ngày .../6/2024 trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Quyết định.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về dự thảo Quyết định tại phiên họp Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh ngày .../6/2024. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số/UBND-VP, ngày .../6/2024, Sở Tư pháp đã phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, cơ quan liên quan chỉnh lý, hoàn thiện dự án dự thảo Quyết định, đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định (Tờ trình số .../TTr-STP).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Quyết định ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương là dự thảo Quyết định quy định trực tiếp, gồm 5 điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

2.1. Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Xác định phạm vi điều chỉnh của Quyết định là quy định về giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2.2. Điều 2: Đối tượng áp dụng

Xác định các chủ thể chịu sự tác động của văn bản.

2.3. Điều 3: Giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng

Xác định mức giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng, gồm: Soạn thảo hợp đồng, giao dịch hoặc kiểm tra, chỉnh sửa hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng tự soạn thảo; Sao chụp giấy tờ, văn bản; Dịch thuật.

- Đối với việc xác định giá tối đa đối với soạn thảo hợp đồng, giao dịch hoặc kiểm tra, chỉnh sửa hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng tự soạn thảo: Hợp đồng: mua bán, tặng cho, chia tách, chuyển đổi nhà, đất; Hợp đồng: thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, góp vốn; Hợp đồng: thuê, mượn nhà, đất; Hợp đồng mua bán, tặng cho ô tô; Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy; Hợp đồng ủy quyền; Văn bản: sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng; Văn bản: hủy, chấm dứt hợp đồng, giao dịch; Văn bản từ chối nhận di sản; Văn bản công chứng khác *(Theo Phụ lục đính kèm Tờ trình)*

- Đối với việc xác định giá tối đa đối với soạn thảo Văn bản: phân chia tài sản; cam đoan, thỏa thuận về tài sản; văn bản chuyển nhượng hợp đồng *(Theo Phụ lục đính kèm Tờ trình)*

- Đối với việc xác định giá tối đa đối với soạn thảo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản thừa kế; Di chúc *(Theo Phụ lục đính kèm Tờ trình)*

- Đối với việc xác định giá tối đa đối với soạn thảo Giấy cam đoan; Giấy ủy quyền *(Theo Phụ lục đính kèm Tờ trình)*.

- Đối với việc xác định giá tối đa đối với việc sao chụp giấy tờ, văn bản *(Theo Phụ lục đính kèm Tờ trình)*.

- Đối với việc xác định giá tối đa đối với Dịch thuật *(Theo Phụ lục đính kèm Tờ trình)*.

2.4. Điều 4: Tổ chức thực hiện

Xác định trách nhiệm thực hiện Quyết định ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đối với các TCHNCC và Sở Tư pháp.

2.5. Điều 5: Hiệu lực thi hành

Xác định thời điểm có hiệu lực thi hành của Quyết định ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Xác định các văn bản bị hết hiệu lực khi Quyết định ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương có hiệu lực thi hành.

Xác định trách nhiệm thi hành của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quyết định ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Sở Tư pháp xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Các tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- GDS, PGDS;
- Hội CCV tỉnh;
- Phòng CCS1;
- Lưu: VT, HCBTTP.

GIÁM ĐỐC

Bùi Sỹ Hoàn

PHỤ LỤC

(Xác định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương)

1. Đối với việc xác định giá tối đa đối với soạn thảo hợp đồng, giao dịch hoặc kiểm tra, chỉnh sửa hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng tự soạn thảo: Hợp đồng: mua bán, tặng cho, chia tách, chuyển đổi nhà, đất; Hợp đồng: thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, góp vốn; Hợp đồng: thuê, mượn nhà, đất; Hợp đồng mua bán, tặng cho ô tô; Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy; Hợp đồng ủy quyền; Văn bản: sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng; Văn bản: hủy, chấm dứt hợp đồng, giao dịch; Văn bản từ chối nhận di sản; Văn bản công chứng khác:

- Xác định giá trị dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng theo phương pháp tính chi phí: Căn cứ Điều 10, 11, 13 Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ:

- Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 25/2014/TT-BTC, xác định giá dịch vụ trong nước, được tính theo công thức:

$$\text{Giá hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước} = \text{Giá thành toàn bộ (Z)} + \text{Lợi nhuận dự kiến (nếu có)} + \text{Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)} + \text{Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có)}$$

a) Giá thành toàn bộ (Z) được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

b) Lợi nhuận dự kiến được xác định theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

- Giá thành toàn bộ (Z) được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTC, áp dụng vào việc tính thành toàn bộ (Z) đối với dịch vụ soạn thảo, kiểm tra, chỉnh sửa, bổ sung hợp đồng, như sau:

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá	Q	
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh	C	
I	Chi phí trực tiếp:	C _{TT}	
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	C _{VT}	- Mức tiêu hao công cụ máy tính dùng để soạn thảo: Không đáng kể; - Tiêu hao điện năng do sử dụng máy tính soạn thảo Hợp đồng: Không đáng kể;
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C _{NC}	- Chi phí nhân công trực tiếp (Công chứng viên theo điều 40,41 Luật CC 2014); - Định mức lao động: Theo thống kê, việc công chứng HĐ, GD tối đa trong thời hạn 2

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
			ngày (K2, Đ43 LCC), thực tế soạn thảo, kiểm tra 01 HĐ loại này mất khoảng 4 giờ; - Đơn giá tiền lương hoặc tiền công: Trung bình lương CCV là 20tr/tháng, do đó, lương 01 giờ của CCV = 20tr/22 ngày làm việc/8 giờ lao động trong ngày $C_{NC} = (20.000.000 : 22 : 8) \times 4$
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	C_{KH}	Không đáng kể.
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực	C_K	Không đáng kể
II	Chi phí chung	C_C	
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)	C_{CM}	Không đáng kể
6	Chi phí tài chính (nếu có)	C_{TC}	Không đáng kể
7	Chi phí bán hàng	C_{BH}	Không đáng kể
8	Chi phí quản lý	C_{QL}	Không đáng kể
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh	TC	
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)	CP	
D	Giá thành toàn bộ (TC-CP)	Z	
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm (TC-CP)/Q	$Z_{đv}$	$Z_{đv} = C_{NC}$

- Lợi nhuận dự kiến: 2% giá thành toàn bộ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Không.

- Gọi giá dịch vụ là X.

Ta có: $X = Z_{đv} + Z_{đv}.2\% + X.10\%$ (VAT)

$X = (20.000.000 : 22 : 8).4 + ((20.000.000 : 22 : 8).4).2\% + X.10\%$

$X = 515.000$ đ làm tròn là 500.000 đồng.

2. Đối với việc xác định giá tối đa đối với soạn thảo Văn bản: phân chia tài sản; cam đoan, thỏa thuận về tài sản; văn bản chuyển nhượng hợp đồng.

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá	Q	
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh	C	
I	Chi phí trực tiếp:	C _{TT}	
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	C _{VT}	- Mức tiêu hao công cụ máy tính dùng để soạn thảo: Không đáng kể; - Tiêu hao điện năng do sử dụng máy tính soạn thảo Hợp đồng: Không đáng kể;
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C _{NC}	- Chi phí nhân công trực tiếp (Công chứng viên theo điều 40,41 Luật CC 2014); - Định mức lao động: Theo thống kê, việc công chứng HĐ, GD tối đa trong thời hạn 2 ngày (K2, Đ43 LCC), thực tế soạn thảo, kiểm tra 01 HĐ loại này mất khoảng 6 giờ; - Đơn giá tiền lương hoặc tiền công: Trung bình lương CCV là 20tr/tháng, do đó, lương 01 giờ của CCV = 20tr/22 ngày làm việc/8 giờ lao động trong ngày $C_{NC} = (20.000.000 : 22 : 8) \times 6$
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	C _{KH}	Không đáng kể.
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực	C _K	Không đáng kể
II	Chi phí chung	C _C	
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)	C _{CM}	Không đáng kể
6	Chi phí tài chính (nếu có)	C _{TC}	Không đáng kể
7	Chi phí bán hàng	C _{BH}	Không đáng kể
8	Chi phí quản lý	C _{QL}	Không đáng kể
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh	TC	

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)	CP	
D	Giá thành toàn bộ (TC-CP)	Z	
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm (TC-CP)/Q	Z _{đv}	Z _{đv} = C _{NC}

- Lợi nhuận dự kiến: 2% giá thành toàn bộ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Không.

- Gọi giá dịch vụ là X.

Ta có: $X = Z_{đv} + Z_{đv}.2\% + X.10\%$ (VAT)

$X = (20.000.000 : 22 : 8).6 + ((20.000.000 : 22 : 8).6).2\% + X.10\%$

$X = 772.000$ đ làm tròn là 700.000 đồng.

3. Đối với việc xác định giá tối đa đối với soạn thảo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản thừa kế; Di chúc

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá	Q	
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh	C	
I	Chi phí trực tiếp:	C _{TT}	
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	C _{VT}	- Mức tiêu hao công cụ máy tính dùng để soạn thảo: Không đáng kể; - Tiêu hao điện năng do sử dụng máy tính soạn thảo Hợp đồng: Không đáng kể;
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C _{NC}	- Chi phí nhân công trực tiếp (Công chứng viên theo điều 40,41 Luật CC 2014); - Định mức lao động: Theo thống kê, việc công chứng HĐ, GD tối đa trong thời hạn 2 ngày (K2, Đ43 LCC), thực tế soạn thảo, kiểm tra 01 HĐ loại này mất khoảng 8 giờ; - Đơn giá tiền lương hoặc tiền công: Trung bình lương CCV là 20tr/tháng, do đó, lương 01 giờ của CCV = 20tr/22 ngày làm việc/8 giờ lao động trong ngày $C_{NC} = (20.000.000 : 22 : 8) \times 8$

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	C _{KH}	Không đáng kể.
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực	C _K	Không đáng kể
II	Chi phí chung	C _C	
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)	C _{CM}	Không đáng kể
6	Chi phí tài chính (nếu có)	C _{TC}	Không đáng kể
7	Chi phí bán hàng	C _{BH}	Không đáng kể
8	Chi phí quản lý	C _{QL}	Không đáng kể
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh	TC	
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)	CP	
D	Giá thành toàn bộ (TC-CP)	Z	
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm (TC-CP)/Q	Z _{đv}	Z _{đv} = C _{NC}

- Lợi nhuận dự kiến: 2% giá thành toàn bộ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Không.

- Gọi giá dịch vụ là X.

Ta có: $X = Z_{đv} + Z_{đv}.2\% + X.10\%$ (VAT)

$X = (20.000.000 : 22 : 8).8 + ((20.000.000 : 22 : 8).8).2\% + X.10\%$

$X = 1.030.000$ đ làm tròn là 1.000.000 đồng.

4. Đối với việc xác định giá tối đa đối với soạn thảo Giấy cam đoan; Giấy ủy quyền

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá	Q	
B	Chi phí sản xuất, kinh	C	

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
	doanh		
I	Chi phí trực tiếp:	C _{TT}	
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	C _{VT}	- Mức tiêu hao công cụ máy tính dùng để soạn thảo: Không đáng kể; - Tiêu hao điện năng do sử dụng máy tính soạn thảo Hợp đồng: Không đáng kể;
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C _{NC}	- Chi phí nhân công trực tiếp (Công chứng viên theo điều 40,41 Luật CC 2014); - Định mức lao động: Theo thống kê, việc công chứng HĐ, GD tối đa trong thời hạn 2 ngày (K2, Đ43 LCC), thực tế soạn thảo, kiểm tra 01 HĐ loại này mất khoảng 3 giờ; - Đơn giá tiền lương hoặc tiền công: Trung bình lương CCV là 20tr/tháng, do đó, lương 01 giờ của CCV = 20tr/22 ngày làm việc/8 giờ lao động trong ngày $C_{NC} = (20.000.000 : 22 : 8) \times 3$
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	C _{KH}	Không đáng kể.
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực	C _K	Không đáng kể
II	Chi phí chung	C _C	
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)	C _{CM}	Không đáng kể
6	Chi phí tài chính (nếu có)	C _{TC}	Không đáng kể
7	Chi phí bán hàng	C _{BH}	Không đáng kể
8	Chi phí quản lý	C _{QL}	Không đáng kể
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh	TC	
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)	CP	
D	Giá thành toàn bộ (TC-CP)	Z	

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm (TC-CP)/Q	Z _{đv}	Z _{đv} = C _{NC}

- Lợi nhuận dự kiến: 2% giá thành toàn bộ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Không.

- Gọi giá dịch vụ là X.

Ta có: $X = Z_{đv} + Z_{đv}.2\% + X.10\%$ (VAT)

$X = (20.000.000 : 22 : 8).3 + ((20.000.000 : 22 : 8).3).2\% + X.10\%$

$X = 386.000$ đ làm tròn là 300.000 đồng.

5. Đối với việc xác định giá tối đa đối với việc sao chụp giấy tờ, văn bản
Bằng cách tính tương tự, ta xác định được giá DV nêu trên sấp xỉ 3.000 đồng.

6. Đối với việc xác định giá tối đa đối với Dịch thuật

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá	Q	
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh	C	
I	Chi phí trực tiếp:	C _{TT}	
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	C _{VT}	- Mức tiêu hao công cụ máy tính dùng để soạn thảo: Không đáng kể; - Tiêu hao điện năng do sử dụng máy tính soạn thảo Hợp đồng: Không đáng kể;
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C _{NC}	- Chi phí nhân công trực tiếp (Cộng tác viên dịch thuật theo điều 61 Luật CC 2014); - Định mức lao động: Theo thống kê, việc dịch thuật và soạn thảo 01 trang A4 tiếng nước ngoài ra tiếng Việt hoặc ngược lại mất khoảng 2 giờ; - Đơn giá tiền lương hoặc tiền công: Thu nhập bình quân của Cộng tác viên dịch thuật là 16tr/tháng, do đó, lương 01 giờ của CTV = 16tr/22 ngày làm việc/8 giờ lao động trong ngày $C_{NC} = (16.000.000 : 22 : 8) \times 2$

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Ghi chú
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)	C _{KH}	Không đáng kể.
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực	C _K	Không đáng kể
II	Chi phí chung	C _C	
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)	C _{CM}	Không đáng kể
6	Chi phí tài chính (nếu có)	C _{TC}	Không đáng kể
7	Chi phí bán hàng	C _{BH}	Không đáng kể
8	Chi phí quản lý	C _{QL}	Không đáng kể
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh	TC	
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)	CP	
D	Giá thành toàn bộ (TC-CP)	Z	
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm (TC-CP)/Q	Z _{đv}	Z _{đv} = C _{NC}

- Lợi nhuận dự kiến: 2% giá thành toàn bộ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Không.

- Gọi giá dịch vụ là X.

Ta có: $X = Z_{đv} + Z_{đv}.2\% + X.10\%$ (VAT)

$X = (16.000.000 : 22 : 8).2 + ((16.000.000 : 22 : 8).2).2\% + X.10\%$

$X = 206.000$ đ làm tròn là 200.000 đồng.